TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2018/DS-PT
Ngày 09 tháng 5 năm 2018
V/v "*Tranh chấp thừa kế*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Văn

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trí Tuấn

Bà Trần Thị Huyền Vân

Thư ký phiên tòa: Bà Ức Minh Thanh Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Kim Đoạn, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 09 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 249/2017/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2017 về việc: "Tranh chấp thừa kế";

Do bản án dân sự sơ thẩm số 1201/2015/DS-ST ngày 06 tháng 11 năm 2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 103/2018/QĐPT-DS ngày 04 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn*:** Ông Đoàn Nam H, sinh năm 1953.

Địa chỉ: đường Tr, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Huỳnh Thị Phương Ng, sinh năm 1962 (Có mặt).

Địa chỉ: đường Ng, Phường 8, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Bị đơn*:**

1/ Bà Đoàn Lê Hồng Th, sinh năm 1948 (Có mặt).

Địa chỉ: đường Ph, Phường 1, quận Ph1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông Đoàn Phùng Kh, sinh năm 1962.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Kh: Ông Đoàn Phùng H1, sinh năm 1963 (Có mặt).

3/ Ông Đoàn Phùng H1, sinh năm 1963 (Có mặt).

4/ Ông Đoàn Nam H2, sinh năm 1965 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: đường Đ, Phường 6, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

5/ Bà Đoàn Thị Minh Ng, sinh năm 1957 (Có mặt).

Địa chỉ: đường B, Phường 10, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Phan Thị L – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Địa chỉ: đường Ng3, phường T2, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

6/ Ông Đoàn Thanh S, sinh năm 1951.

Địa chỉ: Đường 18, phường B, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

7/ Ông Đoàn Hải Th1 (Trần Ngọc Tr), sinh năm 1960.

Địa chỉ: đường L, thành phố B2, tỉnh Lâm Đồng.

8/ Ông Đoàn Phúc T, sinh năm 1955.

Địa chỉ: 5 K A N P 3147, V, M, Australia.

Người đại diện theo ủy quyền của ông S, ông Th1, ông T: Bà Đoàn Thị Minh Ng, sinh năm 1957 (Có mặt).

Địa chỉ: đường B, Phường 10, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh.

9/ Bà Đoàn Thị Minh Ph, sinh năm 1964 (Có mặt).

Địa chỉ: đường L1, phường T2, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Đoàn Mộng H3, sinh năm 1949 (Có mặt).

Địa chỉ: đường Th, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Nguyễn Thị Ng1, sinh năm 1969 (Có mặt).

3/ Ông Đoàn Tôn Khắc Bảo H4, sinh năm 1996 (Có đơn xin vắng mặt).

4/ Ông Đoàn Ngô Vỹ Kh, sinh năm 1996 (Có đơn xin vắng mặt).

5/ Trẻ Đoàn Ngô Minh Kh1, sinh năm: 2002.

6/ Trẻ Đoàn Ngô Minh Kh2, sinh năm: 2006.

Người đại diện theo pháp luật của trẻ Kh1, trẻ Kh2: Ông Đoàn Nam H2, sinh năm 1965 (Có mặt).

7/ Trẻ Đoàn Nguyễn Minh H5, sinh năm: 2008.

Người đại diện theo pháp luật của trẻ H5: Ông Đoàn Phùng H1, sinh năm 1963 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: đường Đ, Phường 6, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai của phía nguyên đơn ông Đoàn Nam H do bà Huỳnh Thị Phương Ng đại diện trình bày:

Cha mẹ ông Đoàn Nam H là ông Đoàn Minh V (sinh năm 1914, chết năm 1999), bà Ngô Thị Tr (sinh năm 1916, chết năm 2002), lúc sinh thời có 11 người con gồm:

1/ Bà Đoàn Lê Hồng Th, sinh năm 1948

2/ Ông Đoàn Mộng H3, sinh năm 1949

3/ Ông Đoàn Thanh S, sinh năm 1951

4/ Ông Đoàn Nam H, sinh năm 1953

5/ Ông Đoàn Phúc T, sinh năm 1955

6/ Bà Đoàn Thị Minh Ng1, sinh năm 1957

7/ Ông Đoàn Hải Th1, sinh năm 1960

8/ Ông Đoàn Phùng Kh, sinh năm 1962

9/ Ông Đoàn Phùng H6, sinh năm 1963

10/ Bà Đoàn Thị Minh Ph, sinh năm 1964

11/ Ông Đoàn Nam H2, sinh năm 1965

Nhà đất tọa lạc tại đường Đ, Phường 6, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc thuộc sở hữu của ông V, bà Tr.

Nay ông Đoàn Nam H khởi kiện đòi chia thừa kế theo di chúc của ông V, bà Tr lập văn bản đề ngày 08/5/1993, nội dung di chúc này cha mẹ để lại nhà đất trên cho ông được hưởng.

Theo các lời khai của phía bị đơn gồm bà Đoàn Lê Hồng Th, ông Đoàn Phùng Kh, ông Đoàn Phùng H1, ông Đoàn Nam H2, bà Đoàn Thị Minh Ng, ông Đoàn Thanh S, ông Đoàn Hải Th1, ông Đoàn Phúc T, bà Đoàn Thị Minh Ph trình bày:

Nhà đất và lịch sử gia đình như phía nguyên đơn trình bày là đúng, tuy nhiên tờ di chúc mà ông Hà đưa ra không đúng sự thật, vì anh em trong nhà đang sinh sống tại đây tình cảm giữa cha mẹ con cái là như nhau không thể có chuyện cha mẹ cho riêng một mình ông Hà được, phía bị đơn nghi ngờ di chúc trên giả mạo.

Nếu chia thừa kế thì yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Đoàn Mộng H3 trình bày: Ông xác định di sản trên của cha mẹ chết để lại và ông có nghe nói cha mẹ đồng ý cho ông Hà, nay phát sinh tranh chấp ông xin khước từ không nhận phần thừa kế của mình.

Bà Nguyễn Thị Ng trình bày: Thống nhất yêu cầu của bị đơn.

Ông Đoàn Tôn Khắc Bảo H7, Ông Đoàn Ngô Vỹ Kh, Trẻ Đoàn Ngô Minh Kh1, Trẻ Đoàn Ngô Minh Kh2 có ông Đoàn Nam H2 đại diện theo pháp luật, trẻ

Đoàn Nguyễn Minh H5 có ông Đoàn Phùng H6 đại diện trình bày: Thống nhất yêu cầu của bị đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 1201/2015/DS-ST ngày 06 tháng 11 năm 2015, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Áp dụng các điều 25; 34; 35; 128; 131 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các điều 684; 685 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao.

Áp dụng Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án,

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn đòi chia di sản theo di chúc lập ngày 08/5/1993 của ông Đoàn Minh V, bà Ngô Thị Tr.

2/ Chia thừa kế theo di chúc của ông Đoàn Minh V như sau:

2.1/ Xác định ½ giá trị nhà đất tọa lạc tại đường Đ, Phường 6, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản thừa kế do ông Đoàn Minh V chết để lại theo di chúc ngày 08/5/1993.

2.2/ Ông Đoàn Nam H được hưởng giá trị di sản do ông Đoàn Minh V để lại là 2.366.203.750 đồng.

3/ Chia thừa kế theo pháp luật của bà Ngô Thị Tr như sau:

3.1/ Xác định ½ giá trị nhà đất tọa lạc tại đường Đ, Phường 6, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản thừa kế do bà Ngô Thị Tr chết không để lại di chúc.

3.2/ Những người được hưởng thừa kế theo pháp luật của bà Tr gồm: Bà Đoàn Lê Hồng Th, ông Đoàn Thanh S, ông Đoàn Nam H, ông Đoàn Phúc T, bà Đoàn Thị Minh Ng1, ông Đoàn Hải Th1, ông Đoàn Phùng Kh, ông Đoàn Phùng H6, bà Đoàn Thị Minh Ph, ông Đoàn Nam H2 mỗi người được hưởng giá trị bằng số tiền 236.620.375 đồng.

4/ Ông Đoàn Nam H được nhận hiện vật nên được sở hữu đối với phần nhà đất nêu trên. Những người đang cư ngụ tại căn nhà trên phải bàn giao nhà cho ông Hà. Ông Hà có trách nhiệm hoàn lại cho các đồng thừa kế giá trị bằng tiền theo phần như sau: Bà Đoàn Lê Hồng Th, ông Đoàn Thanh S, ông Đoàn Phúc T, bà Đoàn Thị Minh Ng1, ông Đoàn Hải Th1, ông Đoàn Phùng Kh, ông Đoàn Phùng H6, bà Đoàn Thị Minh Ph, ông Đoàn Nam H2 mỗi người được nhận số tiền 236.620.375 đồng. Việc bàn giao nhà và thanh toán tiền được thực hiện cùng lúc.

Sau khi thanh toán xong số tiền trên cho các đồng thừa kế ông Hà đến các cơ quan chức năng làm thủ tục hợp thức hóa chủ quyền nhà đất trên theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 11/11/2015, ông Đoàn Mộng H3 làm đơn kháng cáo cho rằng ông xác định di sản cha mẹ, để cho ông Đoàn Nam H nên ông từ chối nhận. Nay tôi xác định di chúc chỉ có giá trị phần ông V, còn phần tài sản của mẹ ông bà Tr cho các thừa kế thì ông yêu cầu được nhận một phần di sản của mẹ ông để lại.

Ngày 20/11/2015, ông Đoàn Nam H làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm sửa án sơ thẩm công nhận toàn bộ di chcu1 của cha mẹ ông để di chúccho ông.

Ngày 18/11/2015, bà Đoàn Thị Minh Ng1, ông Đoàn Phùng H6, bà Đoàn Lê Hồng Th là đơn kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm sửa án sơ thma63, không công nhận di chúc vì di chúc đó không hợp pháp, chia di sản thừa kế cho các đồng thừa kế theo quy định pháp luật.

*Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các bên không yêu cầu hỏi nên cấp phcu1 thẩm tiến hành xét xử theo quy định.

Quan điểm của đại diện viện kiểm sát cấp cao:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm thực hiện đúng luật tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ kết luận của phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận chữ ký và chữ viết trên tờ di chúc lập ngày 08/5/1993 là của ông Đoàn Minh V, không có căn cứ kết luận dấu vân tay trên tờ di chúc là của bà Tr nên cấp sơ thẩm xác định di chúc có hiệu lực ½ và chia di sản của bà Tr cho đồng thừa kế là đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Đoàn Nam H, bà Đoàn Thị Minh Ng1, ông Đoàn Phùng H6, bà Đoàn Lê Hồng Th.

Đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đoàn Mộng H3, chia cho ông Hải một phần trong khối di sản do bà Tr để lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn, bị đơn, người liên quan. Các bên không yêu cầu định giá lại di sản thừa kế, những người đang ở trong nhà đường Đ, Phường 6, quận T1, cũng không yêu cầu được nhận nhà và thanh toán kỷ phần cho các đồng thừa kế, nên cấp phúc thẩm không xét xử nội dung này. Cấp phúc thẩm chỉ xem xét tính hợp pháp của di chúc ngày 08/5/1993.

Các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét lời trình bày của các bên đượng sự, quan điểm của đại diện viện kiểm sát cho thấy:

[1] Ông Đoàn Nam H (sinh năm 1014 chết năm 1999) và bà Ngô Thị Tr (sinh 1916 chết năm 2002) có tất cả là 11 người con, gồm: Bà Đoàn Lê Hồng Th, ông Đoàn Thanh S, ông Đoàn Nam H, ông Đoàn Mộng H3, ông Đoàn Phúc T, bà Đoàn Thị Minh Ng1, ông Đoàn Hải Th1, ông Đoàn Phùng Kh, ông Đoàn Phùng H6, bà Đoàn Thị Minh Ph, ông Đoàn Nam H2 đây là hàng thừa kế thứ nhất.

Trước khi chết, ngày 08/5/1993 ông Đoàn Minh V và bà Ngô Thị Tr lập di chúc để lại nhà và đất đường Đ, phường 6, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh

cho ông Đoàn Nam H. Tại phiên tòa hôm nay, các bên xác định nhà và đất đường Đ, phường 6, quận T1 là tài sản duy nhất do ông V và bà Tr để lại, ngoài tài sản trên, ông V bà Tr không có tài sản nào khác.

[2] Theo kết luận giám định số 839/KLGĐ – TT ngày 11/9/2015 của phòng kỹ thuật hình sự công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

Phần chữ viết nội dung tờ di chúc ngày 08/5/1993 và phần chữ ký có tên Đoàn Minh V so với các chữ viết, chữ ký dùng làm mẫu so sánh do cùng người viết và ký ra.

Không đủ cơ sở để kết luận giám định đối với dấu vân tay dưới dòng chữ Ngô Thị Tr trên tờ di chúc ngày 08/5/1993 do nhòe mực, không thể hiện rõ đặc điểm.

Theo kết luận trên thì chỉ đủ cơ sở kết luận chữ ký và chữ viết trong tờ di chúc là của ông V, không có cơ sở kết luận dấu vân tay trên tờ di chúc là của bà Tr. Do đó, không có căn cứ để kết luận bà Tr đã thể hiện ý chí của mình cho nhà đất trên cho ông Đoàn Nam H, nên di chúc trên chỉ hợp pháp ở phần của ông V.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Đoàn Nam H được hưởng ½ giá trị căn nhà (phần của ông Đoàn Minh V) ½ giá trị còn lại của bà Ngô Thị Tr chia đều cho các đồng thừa kế là có căn cứ, đúng pháp luật. Từ các phân tích trên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đoàn Nam H, Đoàn Thị Minh Ng1, Đoàn Phùng H6 và bà Đoàn Lê Hồng Th.

[3] Đối với yêu cầu kháng cáo của ông Đoàn Mộng H3, xét thấy: Tại cấp sơ thẩm ông Hải từ chối hưởng di sản thừa kế vì cho rằng cha mẹ ông đã cho nhà và đất trên cho ông Đoàn Nam H, sau khi xét xử sơ thẩm ông Hải kháng cáo xin được hưởng một phần trong di sản của bà Tr để lại, xét ông Đoàn Mộng H3 là một trong mười một người con của ông Đoàn Minh V và bà Ngô Thị Tr, ông Đoàn Mộng H3 là hàng thừa kế thứ nhất nên ông được thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của bà Tr để lại. Do đó, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đoàn Mộng Hà.

- Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Đoàn Mộng Hà không phải chịu án phí phúc thẩm.

Ông Đoàn Nam H, bà Đoàn Thị Minh Ng1, ông Đoàn Phùng H6, bà Đoàn Lê Hồng Th, do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm.

Sửa lại án phí sơ thẩm tương ứng với kỷ phần mà mỗi đồng thừa kế được hưởng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đoàn Mộng H3. Không chấp nhận kháng cáo của ông Đoàn Nam H, bà Đoàn Thị Minh Ng1, ông Đoàn Phùng H6,

bà Đoàn Lê Hồng Th. Sửa án sơ thẩm số 1201/2015/DSST ngày 06/11/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng các điều 684, 685 Bộ luật dân sự

Áp dụng Nghị Quyết 02/2004/NQ – HĐPT ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Áp dụng pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế theo di chúc lập ngày 08/5/1993 của ông Đoàn Minh V và bà Ngô Thị Tr.

2/ Chia thừa kế theo di chúc của ông Đoàn Minh V như sau:

2.1. Xác định ½ giá trị nhà đất tọa lạc tại đường Đ, phường 6, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản thừa kế do ông Đoàn Minh V chết để lại theo di chúc ngày 08/5/1993.

2.2 Ông Đoàn Nam H được hưởng gía trị di sản do ông Đoàn Minh V để lại là 2.366.203.750 đồng (*hai tỷ ba trăm sáu mươi sáu triệu hai trăm lẻ ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng*)

3/ Chia thừa kế theo pháp luật phần di sản của bà Ngô Thị Tr như sau:

3.1. Xác định ½ giá trị nhà đất tọa lạc tại đường Đ, Phường 6, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản thừa kế của bà Ngô Thị Tr chết không để lại theo di chúc.

3.2. Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất được hưởng thừa kế theo pháp luật đối với di sản do bà Tr để lại gồm có: Bà Đoàn Lê Hồng Th, ông Đoàn Thanh S, ông Đoàn Nam H, ông Đoàn Phúc T, bà Đoàn Thị Minh Ng1, ông Đoàn Hải Th1, ông Đoàn Phùng Kh, ông Đoàn Phùng H6, bà Đoàn Thị Minh Ph, ông Đoàn Nam H2, ông Đoàn Mộng H3 mỗi người được hưởng giá trị bằng số tiền là: 215.109.431 đồng (*Hai trăm mười lăm triệu một trăm lẻ chín nghìn bốn trăm ba mươi mốt đồng*).

4/ Ông Đoàn Nam H được nhận bằng hiện vật nên được sở hữu đối với phần nhà đất nêu trên. Những người đang cư ngụ tại căn nhà đường Đ, phường 6, quận T1 Thành phố Hồ Chí Minh phải bàn giao nhà cho ông Đoàn Nam H.

Ông Đoàn Nam H có trách nhiệm thanh toán lại cho các đồng thừa kế giá trị bằng tiền theo phần như sau: bà Đoàn Lê Hồng Th, ông Đoàn Thanh S, ông Đoàn Phúc T, bà Đoàn Thị Minh Ng1, ông Đoàn Hải Th1, ông Đoàn Phùng Kh, ông Đoàn Phùng H6, bà Đoàn Thị Minh Ph, ông Đoàn Nam H2, ông Đoàn Mộng H3 mỗi người được nhận số tiền là 215.109.431 đồng (*Hai trăm mười lăm triệu một trăm lẻ chín nghìn bốn trăm ba mươi mốt đồng*). Sau khi thanh toán đủ cho các đồng thừa kế, ông Đoàn Nam Hà được đến cơ quan chức năng làm thủ tục hợp thức hóa chủ quyền nhà đất theo quy định pháp luật.

5/về án phí

5.1 Án phí phúc thẩm:

Ông Đoàn Mộng H3 không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Đoàn Mộng H3 số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 02612 ngày 19/02/2016 của Cục thi hành án dận sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Đoàn Thị Minh Ng1, Đoàn Nam H, ông Đoàn Phùng H6, bà Đoàn Lê Hồng Th phải chịu án phí phúc thẩm. Chuyển số tiền tạm ứng án phí (*theo các biên lai thu số 02862 ngày 30/05/2016; 02620 ngày 22/02/2016; 02523 ngày 03/03/2016; 02513 ngày 02/03/2016 của Cục thi hành án dận sự Thành phố Hồ Chí Minh*) thành tiền án phí phúc thẩm.

5.2. Án phí có giá ngạch:

Ông Đoàn Nam H chịu số tiền 84.056.483 đồng, được khấu trừ số tiền 12.000.000 đồng (*tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 015347 ngày 28/6/2010 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh*) như vậy ông Hà còn phải chịu 72.056.483 đồng.

Bà Đoàn Lê Hồng Th phải nộp số tiền án phí là 10.755.471 đồng được khấu trừ số tiền 5.300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp (*theo biên lai thu số 05515 ngày 09/7/2013 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh*) như vậy bà Thanh còn phỉa nộp số tiền là 5.455.471 đồng.

Các ông bà Đoàn Thanh S, Đoàn Phúc T, Đoàn Thị Minh Ng1, Đoàn Hải Phụng, Đoàn Phùng H6, Đoàn Mộng H3 mỗi người phải chịu số tiền là 10.755.471 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các nội dung khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực phúc thẩm có hiệu lực pháp luật sau khi tuyên án.

Các Thẩm phán **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trần Thị Huyền Vân **Phạm Trí Tuấn** **Lê Thành Văn**